

Số: **3357**/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **08** tháng **11** năm **2019**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại và Chánh Văn phòng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục KSTTHC-VPCP;
- VPB (TH-CCHC);
- Lưu: VT, XTTM.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Thắng Hải

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI TRONG LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số **3357**/QĐ-BCT ngày 18/11/2019 của Bộ Công Thương)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1		Xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam	Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

I. Xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam

1. Trình tự thực hiện:

- Việc xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam được tổ chức định kỳ 02 năm một lần vào các năm chẵn.

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam trước ngày 31 tháng 3 của năm xét chọn đến Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại).

- Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của doanh nghiệp, trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan quản lý Chương trình có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế) cho doanh nghiệp để bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ. Doanh nghiệp có trách nhiệm nộp bổ sung hồ sơ đầy đủ trước ngày 01 tháng 5 của năm xét chọn.

- Trước ngày 30 tháng 9 của năm xét chọn, Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại) có trách nhiệm thông báo kết quả xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam tới các doanh nghiệp.

- Kết quả xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam có hiệu lực 02 năm kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quyết định công nhận danh sách sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Cục Xúc tiến thương mại - 20 Lý Thường Kiệt, Hà Nội. Người nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc ủy quyền của doanh nghiệp.

- Thông qua hệ thống bưu điện.

- Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đăng ký tham gia xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam;

+ Bản sao Thông báo của cơ quan thuế về việc xác nhận doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn;

+ Bản sao Thông báo của cơ quan bảo hiểm xã hội về kết quả đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn;

+ Bản sao Thỏa ước lao động tập thể có hiệu lực đã được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về lao động;

+ Bản sao Báo cáo định kỳ kết quả quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn;

+ Bản sao Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn;

+ Bản sao văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ của sản phẩm đăng ký xét chọn còn hiệu lực do cơ quan chức năng cấp;

+ Bản sao giấy tờ về chất lượng của sản phẩm đăng ký xét chọn còn hiệu lực theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 hoặc bản sao giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng tương đương;

+ Bản sao giấy chứng nhận ISO 14001, ISO 22000, ISO 17025, SA 8000, OHSAS 18001, HACCP, GMP, VietGap, Global Gap và bản sao các biên bản đánh giá giám định định kỳ hoặc tương đương (nếu có);

+ Bản sao giấy chứng nhận các giải thưởng về chất lượng, uy tín thương hiệu (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trước ngày 30 tháng 9 của năm xét chọn.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Xúc tiến thương mại.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn thông báo kết quả xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

8. Lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01 (Đăng ký tham gia xét chọn doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam) Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam;

- Mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 01

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20.....

**ĐĂNG KÝ THAM GIA XÉT CHỌN DOANH NGHIỆP CÓ SẢN PHẨM ĐẠT
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM**

Kính gửi:.....

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương, Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam, (tên doanh nghiệp) đăng ký tham gia xét chọn doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp (Tiếng Việt):

.....

2. Tên doanh nghiệp (Tiếng Anh):

3. Tên giao dịch (tên viết tắt):

4. Tên người đại diện theo pháp luật hiện tại:

5. Mã số doanh nghiệp:

6. Địa chỉ:

7. Điện thoại:

8. Fax:

9. Email:

10. Website:

11. Thông tin liên hệ:.....

- Tên người liên hệ:

- Chức vụ/Bộ phận:

- Điện thoại: - Di động:

- Email:

12. Loại hình doanh nghiệp:

Nhà nước

TNHH

Cổ phần

DNTN

Loại khác (ghi rõ):

13. Liệt kê những sản phẩm chính:

14. Số lượng lao động trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn:

Năm...	Năm...	Năm...

15. Tổng doanh thu trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn:

Năm...	Năm...	Năm...

16. Tổng doanh thu xuất khẩu trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn:

Năm ...	Năm...	Năm...

17. Tổng số thuế nộp ngân sách nhà nước trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn:

Năm ...	Năm...	Năm...

18. Tổng số tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn:

Năm ...	Năm...	Năm...

19. Tổng kinh phí cho hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn:

Năm...	Năm...	Năm...

20. Các tỉnh/thành phố có cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ:

21. Doanh nghiệp là thành viên của các hiệp hội/ngành nghề nào ở trong và ngoài nước?

Tên Hiệp hội/tổ chức	Năm bắt đầu tham gia	Địa chỉ hiệp hội/Tổ chức
----------------------	----------------------	--------------------------

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM THAM GIA XÉT CHỌN

1. Tên thương hiệu sản phẩm:

.....

2. Mô tả sản phẩm:

A. Sản phẩm 1:

2.1. Công dụng chính:

.....

.....

2.2. Đặc tính kỹ thuật và ưu điểm nổi bật:

.....

.....

2.3. Năm sản phẩm bắt đầu có mặt trên thị trường:

2.4. Thị trường xuất khẩu:

2.5. Doanh thu xuất khẩu của sản phẩm trong 2 năm liền trước năm xét chọn:

Năm...	Năm...	Năm...

B. Từ sản phẩm thứ 2 trở đi, doanh nghiệp mô tả tương tự từ điểm 2.1 đến điểm 2.5 mục A

III. TÂM NHÌN DOANH NGHIỆP

1. Tuyên bố về tầm nhìn doanh nghiệp:

.....

.....

2. Giải thích nội dung tuyên bố tầm nhìn doanh nghiệp:

.....

.....

IV. GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Tuyên bố về giá trị cốt lõi của doanh nghiệp:

.....

.....

2. Giải thích nội dung giá trị cốt lõi của doanh nghiệp

.....
.....

V. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

1. Mục tiêu chiến lược

.....
.....

2. Nền tảng xây dựng Chiến lược

.....
.....

3. Năng lực triển khai chiến lược

.....
.....

VI. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CỦA DOANH NGHIỆP

1. Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực trong 2 năm tới

.....
.....

2. Nội dung kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong 2 năm tới

.....
.....

3. Chính sách khen thưởng, đãi ngộ

.....
.....

VII. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. Mục tiêu kế hoạch tài chính trong 2 năm tới

.....
.....

2. Nội dung kế hoạch tài chính trong 2 năm tới

.....
.....

VIII. DANH MỤC GIẢI THƯỞNG DÀNH CHO CÁ NHÂN LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tên giải thưởng	Loại giải	Năm cấp	Tổ chức cấp
1						
2						
3						
...						

IX. TÂM NHÌN THƯƠNG HIỆU

1. Tuyên bố về tầm nhìn thương hiệu sản phẩm

.....

.....

2. Giải thích nội dung tuyên bố tầm nhìn thương hiệu

.....

.....

X. LỜI HỨA THƯƠNG HIỆU

1. Tuyên bố về lời hứa thương hiệu

.....

.....

2. Giải thích nội dung tuyên bố lời hứa thương hiệu

.....

.....

XI. CHIẾN LƯỢC ĐỊNH VỊ THƯƠNG HIỆU

1. Mục tiêu chiến lược

.....

.....

2. Nền tảng xây dựng chiến lược

.....

.....

XII. BIỆN PHÁP BẢO VỆ THƯƠNG HIỆU

1. Bảo hộ các tài sản trí tuệ liên quan đến thương hiệu

(Việc sử dụng các công cụ pháp lý, thể chế và chính sách của Nhà nước và phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước để bảo hộ các tài sản trí tuệ liên quan đến thương hiệu).

.....

.....

2. Bảo vệ thương hiệu

(Các công cụ bảo vệ thương hiệu: (1) chống hàng giả, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ; (2) sử dụng các biện pháp kỹ thuật, (3) sử dụng các rào cản tâm lý; (4) sử dụng rào cản chi phí chuyển đổi; (5) các chương trình khách hàng thường xuyên và các biện pháp khác của doanh nghiệp)

.....

.....

XIII. XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU TRONG NỘI BỘ DOANH NGHIỆP

1. Nội dung truyền thông thương hiệu trong nội bộ doanh nghiệp

.....

.....

2. Công cụ truyền thông thương hiệu trong nội bộ doanh nghiệp đến cán bộ công nhân viên

.....

.....

XIV. CÁC HOẠT ĐỘNG MARKETING VÀ TRUYỀN THÔNG THƯƠNG HIỆU

1. Nội dung marketing và truyền thông thương hiệu ra bên ngoài

.....

.....

2. Công cụ marketing và truyền thông thương hiệu bên ngoài doanh nghiệp

.....

.....

XV. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH SÁNG TẠO

1. Chính sách khuyến khích sáng tạo

.....

.....

2. Áp dụng sáng tạo, sáng kiến mới vào sản xuất kinh doanh

	Tên sáng tạo, sáng kiến	Nội dung		Đánh giá kết quả
Năm				

Năm				

XVI. NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)

1. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận R&D

.....

.....

.....

2. Kinh phí dành cho R&D trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn

	Năm	Năm	Năm	Ghi chú
Kinh phí dành cho R&D				
Tỷ lệ % kinh phí dành cho R&D/Tổng doanh thu				

3. Nội dung các hoạt động R&D trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn

.....

..

.....

..

4. Kết quả và thành tựu R&D nổi bật trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn

.....

.....

.....

XVII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Nội dung đào tạo trong 2 năm trước năm xét chọn

(Đào tạo (1) cán bộ công nhân viên và (2) khách hàng)

.....

.....

2. Các chương trình đào tạo trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn

STT		Nội dung	Đối tượng	Số lượng	Thời gian
1	Năm.....				



	
2	Năm				
	

XVIII. TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ XÉT CHỌN (theo quy định hiện hành)

Đối tượng SHTT	Nội dung	Số lượng	Năm cấp công nhận	

XIX. CÔNG NGHỆ MỚI ĐƯỢC ÁP DỤNG

Năm	Tin Công nghệ	Nguồn gốc	Kết quả

XX. GIẢI THƯỞNG SÁNG TẠO TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

STT	Tên giải thưởng	Tổ chức cấp	Năm cấp	Kết quả ứng dụng
1				
2				
3				
...				

XXI. ĐẦU TƯ DUY TRÌ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

(Trong 2 năm liên tiếp trước năm xét chọn)

Năm	Hạng mục đầu tư	Giá trị (VNĐ)	
...			